

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HSST
Ngày: 23/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Đức Tuệ và bà Lục Thị Xinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Văn Th (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 28 tháng 7 năm 1983 tại thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở hiện nay: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T và con bà Trần Thị H; vợ Hoàng Thị H1; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền Ông Lục Đình H2, chức vụ: Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Triệu Văn S, sinh năm 1987, có mặt

- Hoàng Thị C, sinh năm 1989, có mặt

Đều trú tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Triệu Thị T1, sinh năm 1965

Trú tại thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Triệu Thị L (*Tên gọi khác Triệu Thị N*), sinh năm 1983

Trú tại thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Hoàng Thị K (*Tên gọi khác Hoàng Thị Ph*), sinh năm 1989.

Trú tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Ông Hà Văn S, sinh năm 1970.

Trú tại thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Ông Nông Văn D, sinh năm 1975

Trú tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Ông Lý Văn T2, sinh năm 1980

Trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 26, 27/02/2020, Trạm kiểm lâm R thuộc Hạt kiểm lâm huyện C phối hợp với Đội kiểm lâm cơ động và phòng chống chữa cháy rừng số 02 thuộc Chi cục kiểm lâm tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn tiến hành kiểm tra, phát hiện một phần diện tích rừng (*Qua đo đạc sơ bộ bàn đầu xác định được tổng diện tích rừng bị phát phá là 11520 m²*) tại các lô 17, 20, 24 khoảnh 5, tiểu khu 273 thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã bị phát phá trái phép cây cối lấy mặt bằng để canh tác, trồng trọt. Quá trình điều tra, xác minh ban đầu xác định được đối tượng phát phá diện tích rừng trên là do Đặng Văn Th thuê một số người dân phát phá trái phép vào khoảng tháng 10 năm 2019 với mục đích để lấy đất canh tác.

Ngày 31/3/2020, Hạt kiểm lâm huyện C phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, chính quyền địa phương, Viện kiểm sát huyện tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả sử dụng máy định vị toàn cầu (GPS) để đo đạc, thống kê xác định tổng diện tích rừng bị phát phá trái phép tại các lô 17, 20, 24 và 31 khoảnh 5 Tiểu khu 273 thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là 10580m² (1,0580ha), trong đó, tại lô 17 có diện tích phát phá là 2320 m², lô 20 có diện tích phát phá là 2440m²; lô 24 có diện tích phát phá là 5613 m²; lô 31 có diện tích phát phá là 207m². Tổng số cây tự nhiên bị chặt phá nằm rải rác tại hiện trường qua đo, đếm xác định được tổng là 126 thân cây và khúc gỗ tròn các loại có tổng khối lượng gỗ là 7,942m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và qua điều tra ô tiêu chuẩn xác định số cây vầu bị chặt phá là 2258 cây vầu.

Ngày 11/5/2020, Hạt kiểm lâm huyện C đã tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C để tiến hành điều tra, xác minh theo quy định.

Quá trình điều tra, xác minh xác định do có sự chồng chéo giữa Quyết định số: 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn huyện C ban hành theo Quyết định: 489/QĐ-UBND ngày 09/03/2020 của UBND huyện C với quy hoạch trồng rừng trước đó theo dự án 147 theo Hợp đồng trồng rừng số: 03/2011/BCA/CD/BP/HĐTR ngày 20/3/2011 của chi nhánh Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn, xí nghiệp lâm nghiệp huyện C. Để đánh giá hiện trạng toàn bộ diện tích rừng bị phát phá trái phép theo quy hoạch và diện tích rừng bị phát phá có 01 phần đã được quy hoạch trồng rừng trước đó theo dự án 147. Nên trong các ngày 16/4/2020 và 26/8/2020, Hạt kiểm lâm huyện C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, chính quyền địa phương, Viện kiểm sát huyện, Phòng tài nguyên môi trường và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã tiến hành kiểm tra, đối chiếu toàn bộ diện tích rừng bị phát phá trái phép và xác định được cụ thể như sau: Tại lô 17 có diện tích phát phá là 2320 m² thực tế tại hiện trường là rừng tự nhiên, đối chiếu bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã P lô số 17 có diện tích là 11200 m² trạng thái là đất trống; Tại lô 20 có diện tích phát phá là 2440 m² thực tế tại hiện trường là rừng tự nhiên, đối chiếu bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã P lô số 20 có diện tích là 13200 m² trạng thái rừng trồng mồi; Tại lô 24 có diện tích phát phá là 5613 m² thực tế tại hiện trường là rừng tự nhiên, đối chiếu bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã P lô số 24 có diện tích là 16600 m², trạng thái rừng tự nhiên hỗn giao Gõ - Tre nửa; Tại lô 31 có diện tích phát phá là 207 m² thực tế tại hiện trường là rừng tự nhiên đối chiếu bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã P lô số 31 có diện tích là 27500 m², trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đá lá rộng thường xanh nghèo kiệt. Tổng số lâm sản bị thiệt hại tại lô 24 và 31 là 120 thân cây và khúc gỗ tròn các loại có tổng khối lượng gỗ là 7,046^{m³} gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và qua điều tra ô tiêu chuẩn xác định số cây vầu bị chặt phá là 1256 cây vầu (*Trong đó cây có đường kính trên 05cm là 815 cây và cây có đường kính dưới 05cm là 441 cây*). Ngoài ra tiến hành xác định được tại lô 24 có 4735m² và lô 31 có 207m² nằm trong lô C, khoảnh 9 Tiểu khu 273 bản đồ hoàn công trồng rừng năm 2011 của dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện C giai đoạn 2011-2020 xã P và diện tích không nằm trong thiết kế là 878m² thuộc lô 24 khoảnh 5 Tiểu khu 273 theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xã P. Trên toàn bộ diện tích khám nghiệm hiện trường tại lô 24 và 31 không phát hiện cây trồng (Mồi) tái sinh mà chỉ có cây tự nhiên mọc tái sinh lại, kể cả phần đã được thiết kế nghiệm thu theo dự án trồng rừng năm 2011.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTS ngày 23/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: *“109 khúc, 11 thân cây gỗ tròn nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 7,046^{m³} có giá trị tại thời điểm tháng 10 năm 2019 là 4.227.600đ (Bốn triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) và 1256 cây vầu có giá trị tại thời điểm tháng 10 năm 2019 là 1.507.200đ (Một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn hai trăm đồng)”*.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Đặng Văn Th khai nhận: Vào năm 2007, Đặng Văn Th có nhận chuyển nhượng toàn bộ 13,20ha diện tích rừng ở khu rừng K thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với ông Hà Văn S với số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và chỉ làm giấy viết tay, chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước, đồng thời được ông S giao cho 01 bộ hồ sơ giao đất lâm nghiệp theo Quyết định giao đất lâm nghiệp số 7310/QĐ-UB ngày 30/11/1997 của UBND huyện C. Đến khoảng tháng 3 năm 2019, Th thuê Triệu Văn S, Hoàng Thị C, Triệu Thị T1, Triệu Thị L, Hoàng Thị Kh đi phát cây cỏ rừng trồng, tía chòi cây mỡ trên diện tích khu vực rừng trồng của Th ở thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với số tiền công mỗi người là 180.000đ (*Một trăm tám mươi nghìn đồng*) một ngày. Đến khoảng tháng 10 năm 2019 do cần lấy đất canh tác (trồng rừng) nên Th tiếp tục thuê và chỉ đạo những người trên phát phá trái phép 01 phần diện tích rừng mà Th mua với ông Hà Văn S, khu vực rừng tiếp giáp với diện tích rừng trồng của Th. Trong quá trình phát phá thì Hoàng Văn S, Hoàng Thị C, Triệu Thị T1, Triệu Thị L, Hoàng Thị Kh sử dụng dao để chặt, phát các cây gỗ tự nhiên có kích thước nhỏ, cây vầu, cây dây leo..., còn đối với những cây gỗ tự nhiên có kích thước lớn thì Th đưa máy cưa xăng (cưa lóc) cho S để S cắt, trong quá trình cắt cây thì S bị cây gỗ đập vào người nên không cắt tiếp. Sau đó Th thuê và đưa máy cưa xăng cho Nông Văn D cắt tiếp những cây gỗ tự nhiên có kích thước lớn với số tiền công là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) một ngày. Thời gian Th thuê phát phá diện tích rừng trên trong khoảng 10 ngày. Sau khi phát quang khu vực rừng trên thì Th thuê Lý Văn T2 sử dụng máy xúc để đào mở 01 con đường có chiều dài 48m, chỗ rộng nhất 08m, chỗ hẹp nhất 03m đi qua khu vực rừng Th thuê người phát phá trái phép.

Toàn bộ cây tự nhiên trên diện tích rừng sau khi phát phá trái phép Th để nguyên để tự phân hủy tự nhiên tăng độ màu mỡ cho đất và dọn dẹp lấy mặt bằng canh tác. Đến ngày 26/02/2020 thì bị Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản về việc phát phá rừng trái phép.

Tiến hành điều tra, xác minh Hoàng Văn S, Hoàng Thị C, Triệu Thị T1, Triệu Thị L, Hoàng Thị Kh, Nông Văn D đều khai nhận: Khoảng tháng 10 năm 2019, trong quá trình được Đặng Văn Th thuê đi phát cây cỏ rừng trồng, tía chòi cây mỡ trên diện tích khu vực rừng trồng của Th thì sau đó được Th thuê phát, cắt cây 01 phần diện tích rừng cây tự nhiên tiếp giáp với diện tích khu vực rừng trồng của Th trong khoảng thời gian 10 ngày và hoàn toàn phù hợp với lời khai của Đặng Văn Th.

Lý Văn T2 khai nhận: Trong quá trình được Th thuê sử dụng máy xúc san lấp mặt bằng, mở và sửa đường khu vực rừng trồng (Cây mỡ) của Th ở thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì đến tháng 10 năm 2019, Th thuê anh mức mở 01 con đường trên khu vực diện tích rừng mà Th đã thuê người dân phát quang trong thời gian 03 ngày.

Ông Hà Văn S khai nhận: Vào năm 2007, bản thân ông được chuyển nhượng cho Đặng Văn Th toàn bộ 13,20ha diện tích rừng ở khu rừng K thuộc thôn P, xã

B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và chỉ làm giấy viết tay, chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước, đồng thời được ông giao cho Th 01 bộ hồ sơ giao đất lâm nghiệp theo Quyết định giao đất lâm nghiệp số 7310/QĐ-UB ngày 30/11/1997 của UBND huyện C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định: Diện tích 2320 m² rừng tại lô 17 được xác định và quy hoạch là rừng tự nhiên, trạng thái đất trống và 2440 m² tại lô 20 được xác định trạng thái là rừng trồng mỡ. Nên bị cáo Đặng Văn Th chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với phần diện tích bị phát phá trái phép tại lô 24 và 31 với tổng diện tích là 5820 m² (*Năm nghìn tám trăm hai mươi mét vuông*) được quy hoạch là rừng tự nhiên, trạng thái rừng hỗn giao gỗ - tre nứa và gỗ tự nhiên núi đá. Toàn bộ số cây gỗ và cây vầu bị thiệt hại tại lô 17 và lô 20 Cơ quan cảnh sát điều tra đã bàn giao cho Hạt kiểm lâm huyện C xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số: 24/CT-VKSCĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Đặng Văn Th về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Điều 243 có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bị cáo Đặng Văn Th phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Th mức án từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Phạt tiền bị cáo số tiền 20 triệu đến 25 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Đặng Văn Th đã tự nguyện nộp nộp 5.734.800đ (*Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng*) để bồi thường thiệt hại tài sản cho Nguyên đơn dân sự là UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tạm giữ số tiền 1.734.800đ (Một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng) tại biên lai thu tiền số 05734 ngày 23/7/2021 và số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 05732 ngày 08/6/2021 do vợ bị cáo nộp thay cho bị cáo tại chi cục thi hành dân sự huyện Chợ Đồn để đảm bảo thi hành án.

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 109 khúc, 11 thân cây gỗ tròn có tổng khối lượng gỗ là 7,046^{m3} gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và 1256 cây vầu bị chặt hạ tại hiện trường. Sau khi khám nghiệm hiện trường đã tiến hành bàn giao cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trông coi, quản lý. Do số gỗ trên một phần đã mục, hư hỏng và bị cáo Đặng Văn Th đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tài sản cho UBND huyện C số tiền 5.734.800đ (*Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng*), tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu lấy lại và đề nghị để lại tại hiện trường, nên cần tiếp tục giao cho UBND xã B quản lý theo quy định.

Đối với 01 (Một) máy cưa xăng, 01 (Một) xích có 30 mắt, 01 (Một) lam nhãn hiệu Husqvarna đã qua sử dụng, 01 (Một) vỏ hộp đựng lam máy cưa xăng đã cũ tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước; 01 (Một) dao phát có chiều dài 43cm và 01 (Một) dao phát có chiều dài 34cm đã qua sử dụng do Triệu Thị L và Triệu Thị T1 sử dụng để phát rừng cho Đặng Văn Th đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với các con dao phát mà Hoàng Văn S, Hoàng Thị C, Hoàng Thị Kh sử dụng để phát rừng cho Đặng Văn Th, sau đó bị mất. Quá trình điều tra không tiến hành thu giữ được. Đối với 01 máy xúc đã cũ mà Lý Văn T2 sử dụng để mở đường qua diện tích rừng Đặng Văn Th thuê người dân phát phá. Sau đó T đã bán cho 01 người khác (không rõ họ, tên, địa chỉ). Quá trình điều tra không tiến hành thu giữ được.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135 Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn dân sự trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

* Đại diện nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.734.800đ (*Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng*) theo kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 23/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C.

Về vật chứng là gỗ, vầu để lại tại hiện trường: Nếu bị cáo Đặng Văn Th đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tài sản cho UBND huyện C số tiền 5.734.800đ (*Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng*) thì giao lại cho bị cáo. Nếu tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu lấy lại thì tiếp tục giao lại cho UBND xã B trông coi, quản lý.

Tại phiên tòa bị cáo và những tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận:

Do có nhu cầu lấy đất canh tác (Trồng rừng) nên vào khoảng tháng 10 năm 2019, Đặng Văn Th đã có hành vi thuê người mở đường trái phép và phát phá 5820 m² (*Năm nghìn tám trăm hai mươi mét vuông*) tại lô 24, lô 31 khoảnh 5 Tiểu khu 273 thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số: 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn huyện C ban hành theo Quyết định số: 489/QĐ-UBND ngày 09/03/2020 của UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì toàn bộ diện tích rừng do Đặng Văn Th phát phá là rừng sản xuất, hiện trạng rừng là rừng tự nhiên cấm chặt phá tại lô 27, lô 31. Tổng diện tích rừng bị phát phá là 5820 m² (*Năm nghìn tám trăm hai mươi mét vuông*) diện tích rừng tự nhiên, trạng thái rừng hỗn giao gỗ - tre nứa và gỗ tự nhiên núi đá, gây thiệt hại 7,046 m³ gỗ từ nhóm V-VIII có giá trị 4.227.600đ (*Bốn triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*) và 1256 cây vầu có giá trị 1.507.200đ (*Một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn hai trăm đồng*)

Đối với phần diện tích rừng qua đo đạc theo kết quả khám nghiệm hiện trường tại lô 17 và 20. Quá trình điều tra, xác minh và đối chiếu với Quyết định quy hoạch, công bố hiện trạng và hệ thống bản đồ kèm theo xác định được phần diện tích 2320m² rừng tại lô 17 được xác định và quy hoạch là rừng tự nhiên, trạng thái đất trống và 2440m² tại lô 20 được xác định trạng thái là rừng trồng mờ. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không đủ căn cứ để xem xét, xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản kiểm tra, đối chiếu toàn bộ diện tích rừng bị phát phá trái phép trong các ngày 16/4/2020 và 26/8/2020

của Hạt kiểm lâm huyện C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, chính quyền địa phương xã B, Viện kiểm sát huyện, Phòng tài nguyên môi trường và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp tham gia phát phá rừng cho Th). Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi phát phá trái phép rừng với diện tích 5820 m² là vi phạm pháp luật, đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 24/CT-VKSCĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của Đặng Văn Th gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến hoạt động quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn, gây tác hại đến môi trường sinh thái, do đó cần xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục răn đe bị cáo đồng thời đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phát phá rừng trái phép bị cáo đã tự nguyện trồng lại khoảng 1000 cây bồ đề trên diện tích rừng bị phát phá để khắc phục hậu quả xảy ra. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền 5.734.800 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự nhằm để đảm bảo thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại được phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, song vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy: Bị cáo là lao động tự do (sửa xe máy), hàng tháng có thu nhập từ sửa xe máy, bán giống cây trồng tại vườn ươm của bị cáo đủ đảm bảo ổn định cuộc sống, có nhiều tài sản chung là đất ở thổ cư, có nhà ở, có xe máy phục vụ gia đình. Do đó Hội đồng xét xử thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp và có khả năng thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn và bị cáo đã thỏa thuận việc Đặng Văn Th phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền 5.734.800đ (*Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm*

đồng). Ghi nhận bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trước khi mở phiên tòa để đảm bảo thi hành án khoản tiền bồi thường.

[7] Về vật chứng:

Đối với 120 thân cây và khúc gỗ tròn các loại có tổng khối lượng gỗ là $7,046\text{m}^3$ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và 1256 cây vầu bị chặt hạ tại hiện trường. Sau khi khám nghiệm hiện trường đã tiến hành bàn giao cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trông coi, quản lý. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện C, và đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị cũng nhất trí việc bồi thường trách nhiệm dân sự của bị cáo.

Do bị cáo Đặng Văn Th đã phải bồi thường thiệt hại tài sản cho UBND huyện C số tiền 5.734.800đ (*Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng*) nên đại diện nguyên đơn dân sự nhất trí giao lại số gỗ là vật chứng cho bị cáo quản lý. Toàn bộ số gỗ vật chứng vụ án gồm $7,046\text{m}^3$ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và 1256 cây vầu bị chặt hạ tại hiện trường, trong đó có một phần số gỗ và cây vầu do để lâu bị tác động bởi thời tiết nên một phần đã mục, hư hỏng bị cáo không yêu cầu lấy lại đề nghị giao cho UBND xã B quản lý tại hiện trường cho tự hoại mục tăng độ màu mỡ cho đất và cây trồng (vì diện tích đất bị phát phá bị cáo đã trồng cây để khắc phục hậu quả).

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (Một) máy cưa xăng không xác định nhãn hiệu màu cam đã qua sử dụng, 01 (Một) xích có 30 mắt, đã qua sử dụng, 01 (Một) lam nhãn hiệu Husqvarna đã qua sử dụng có chiều dài 41cm, 01 (Một) vỏ hộp đựng lam máy cưa xăng đã cũ; tịch thu tiêu hủy 01 (Một) dao phát có chiều dài 43cm, chuôi dao bằng gỗ có chiều dài 15cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 05cm, đã qua sử dụng và 01 (Một) dao phát có chiều dài 34cm, chuôi dao bằng sắt có chiều dài 10cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 4,5cm, đã qua sử dụng. Đối với các con dao phát mà Hoàng Văn S, Hoàng Thị C, Hoàng Thị Kh sử dụng để phát rừng cho Đặng Văn Th, sau đó bị mất. Quá trình điều tra không tiến hành thu giữ được. Đối với 01 máy xúc đã cũ mà Lý Văn T2 sử dụng để mở đường qua diện tích rừng Đặng Văn Th thuê người dân phát phá. Sau đó T2 đã bán cho 01 người tên D (Không rõ họ, địa chỉ). Quá trình điều tra không tiến hành thu giữ được.

[8] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với ông Hà Văn S là người được giao khoanh nuôi, bảo vệ diện tích rừng tại các lô 17, 20, 24 khoảnh 5, tiểu khu 273 thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, sau đó đã chuyển nhượng cho bị cáo Đặng Văn Th và thời điểm bị cáo Th thuê người dân phát phá trái phép 01 phần diện tích rừng trên thì ông không biết. Xét thấy hành vi của ông S không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét, xử lý.

Đối với Hoàng Văn S, Hoàng Thị C, Triệu Thị T1, Triệu Thị L, Hoàng Thị K, Nông Văn D là những người được Đặng Văn Th thuê phát phá 01 phần diện tích rừng tự nhiên. Quá trình điều tra không xác định được cụ thể phần diện tích

rừng, lâm sản (cây rừng tự nhiên) mà những người này phát phá. Ngoài ra S, C, T1, L, Kh, D không được bàn bạc, thỏa thuận gì với Th về việc phát phá trái phép toàn bộ diện tích rừng trên. Bản thân họ cũng chỉ là người làm thuê, theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Th và không biết rõ diện tích rừng Th thuê để phát phá thuộc loại rừng gì. Thời điểm thực hiện hành vi bản thân họ không có tiền án, tiền sự gì. Xét thấy hành vi của Hoàng Văn S, Hoàng Thị C, Triệu Thị T1, Triệu Thị L, Hoàng Thị Kh, Nông Văn D không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tách hành vi của những người này chuyển cho Hạt kiểm lâm huyện C để xem xét, xử lý hành chính theo quy định.

Đối với Lý Văn T2 là người được Đặng Văn Th thuê sử dụng máy xúc mức mở 01 đường trên khu vực diện tích rừng mà Th đã thuê người dân phát phá xong trước đó. Quá trình điều tra xác định T2 không được bàn bạc, thỏa thuận gì với Th về việc phát phá trái phép toàn bộ diện tích rừng trên. Bản thân T2 cũng chỉ là người làm thuê, theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Th và không biết rõ phần diện tích rừng Th thuê người dân phát phá và sau đó thuê anh mức đất mở đường trên phần diện tích rừng đã được phát phá là thuộc loại rừng gì. Thời điểm thực hiện hành vi thì T2 không có tiền án, tiền sự gì. Xét thấy hành vi của Lý Văn T2 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tách chuyển cho Hạt kiểm lâm huyện Chợ Đ để xem xét, xử lý hành chính theo quy định.

Đối với việc sau khi mua rừng với ông Hà Văn S thì vào năm 2011, Th có được làm hồ sơ và sau đó chuyển cho ông Hà Văn S ký để trồng rừng theo dự án 147 (*Theo Hợp đồng trồng rừng số: 03/2011/BCA/CĐ/BP/HĐTR ngày 20/3/2011 của chi nhánh Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn, xí nghiệp lâm nghiệp huyện C*) và đã được nghiệm thu. Tuy nhiên, trên thực tế thì Th không thực hiện việc trồng hết cây trên toàn bộ diện tích rừng theo hợp đồng đã ký (*Theo lời khai của Thành*). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập các tài liệu và lấy lời khai của những người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng trồng rừng số 03/2011/BCA/CĐ/BP/HĐTR. Tuy nhiên, hiện tại chưa làm việc được với ông Nguyễn Chí K1 - Trưởng ban quản lý dự án thời điểm Thành thực hiện hợp đồng trồng rừng trên do hiện tại ông K1 đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C sẽ xem xét, xử lý sau.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự: Do bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn dân sự trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Th phạm tội "*Hủy hoại rừng*".
2. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt Đặng Văn Th 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Việc thi hành án khoản tiền phạt bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận việc bị cáo bồi thường cho nguyên đơn dân sự toàn bộ số tiền bị thiệt hại là 5.734.800đ (Năm triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng).

Tạm giữ số tiền 1.734.800đ (Một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng) tại biên lai thu tiền số 05734 ngày 23/7/2021 và số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 05732 ngày 08/6/2021 do vợ bị cáo là Hoàng Thị H nộp thay cho bị cáo tại Chi cục thi hành dân sự huyện C của bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án khoản tiền bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Giao cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trông coi, quản lý đối với 120 thân cây và khúc gỗ tròn các loại có tổng khối lượng gỗ là 7,046^{m³} gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII và 1256 cây vầu bị chặt hạ tại hiện trường.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (Một) máy cưa xăng không xác định nhãn hiệu màu cam đã qua sử dụng; 01 (Một) xích có 30 mắt, đã qua sử dụng; 01 (Một) lam nhãn hiệu Husqvarna đã qua sử dụng có chiều dài 41cm; 01 (Một) vỏ hộp đựng lam máy cưa xăng đã cũ (*Do Đặng Văn Th giao nộp*); tịch thu tiêu hủy 01 (Một) dao phát có chiều dài 43cm, chuôi dao bằng gỗ có chiều dài 15cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 05cm, đã qua sử dụng và 01 (Một) dao phát có chiều dài 34cm, chuôi dao bằng sắt có chiều dài 10cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 4,5cm, đã qua sử dụng.

(*Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Điều 136/Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Buộc bị cáo Đặng Văn Th phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- THADS huyện C;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Người có QL,NVLQ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hiền Công Hanh